TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N1A VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2025/DS-ST
Ngày: 04-9-2025.
V/v tranh chấp "Đòi lại tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N1A VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Dũ Quang;

2. Ông Huỳnh Văn Sen.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tào Văn Hai Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ tham gia phiên toà: Không.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Trương Thị N, sinh ngày 01/8/1960.

Địa chỉ: ấp T, xã V, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. Bị đơn: ông Trương Dù N1, sinh ngày 06/6/1976.

Địa chỉ: ấp T, xã V, thành phố Cần Thơ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2024 của nguyên đơn bà Trương Thị N cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trương Thị N trình bày:*

Năm 2006 bà Trương Thị N có cho em ruột bà là ông Trương Dù N1 mượn 01 lượng vàng 24k, không có lập thành văn bản. Đến năm 2007, bà tiếp tục cho ông N1 mượn thêm 02 lượng 05 chỉ vàng 24k, tổng số vàng bà cho ông N1 mượn là 03 lượng 05 chỉ vàng 24k (35 chỉ vàng 24k).

Khoảng ba tháng sau, ông N1 có trả cho bà 05 chỉ vàng 24k. Đến năm 2018, ông N1 trả cho bà số tiền là 5.000.000 đồng, tương đương với 01 chỉ vàng 24k tại thời điểm đó. Ông N1 còn nợ bà là 29 chỉ vàng 24k.

Năm 2020, bà có liên hệ ông N1 để yêu cầu trả toàn bộ số vàng mà ông N1 còn nợ thì ông N1 không trả mà còn xúc phạm bà.

Vào ngày 26/3/2025, bà có gửi đơn trình báo sự việc đến Công an xã Vĩnh Hải, thành phố Cần Thơ yêu cầu giải quyết vụ việc.

Vào ngày 01/4/2025, Công an xã Vĩnh Hải có mời hai bên đến trụ sở cơ quan để làm việc. Theo Biên bản hai bên tự thỏa thuận ngày 01/4/2025 thì ông Trương Dù N1 thừa nhận còn nợ bà tổng số vàng là 29 chỉ vàng 24k và xin trả chậm, bà không đồng ý nên các bên không thỏa thuận được.

Nay Trương Thị N yêu cầu Toà án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ giải quyết:

Buộc ông Trương Dù N1 trả cho bà số vàng là 29 chỉ vàng 24k, bà không yêu cầu tính lãi.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Trương Dù N1 trình bày:*

Ông thừa nhận số nợ trên, ông còn nợ bà Trương Thị N 29 chỉ vàng 24k. Khi nào ông lấy được 20 chỉ vàng của con bà N ông sẽ trả cho bà N, còn lại 09 chỉ vàng 24k ông xin trả trong 01 năm. Ông không yêu cầu gì khác.

Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thời hiệu khởi kiện: trong qua trình giải quyết vụ án các bên không yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu. Mặc khác, tại "BIÊN BẢN HAI BÊN TỰ THOẢ THUẬN" ngày 01/4/2025 bị đơn Trương Dù N1 thừa nhận toàn bộ số nợ nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn bà Trương Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trương Dù N1 phải có trách nhiệm trả cho bà 29 chỉ vàng 24k. Bị đơn ông Trương Dù N1 đã thừa nhận theo "BIÊN BẢN HAI BÊN TỰ THOẢ THUẬN" ngày 01/4/2025; tại phiên hoà giải của Toà án ngày 25/8/2025 và tại phiên toà sơ thẩm bị đơn ông Trương Dù N1 đều thừa nhận toàn bộ số nợ nhưng các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Nên yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho bà 29 chỉ vàng 24k theo

giá hiện tại là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Đối với bị đơn ông Trương Dù N1 đã thừa nhận toàn bộ số nợ. Mặt khác, ông cho rằng con bà N còn nợ ông 20 chỉ vàng 24k, khi nào ông lấy được 20 chỉ vàng 24k của con bà N ông sẽ trả cho bà N, còn lại 09 chỉ vàng 24k ông xin trả trong 01 năm. Ông không yêu cầu gì khác. Ý kiến của ông không được bà N chấp nhận đồng thời ông không cung cấp được thông tin về con bà N và cũng không có yêu cầu trong vụ án này mặc dù đã được Toà án giải thích về quyền được yêu cầu của ông do đó ông có quyền khởi kiện vụ án khác đối với con bà N khi có yêu cầu.

[3] Từ những phân tích ở Mục **[2]** là có căn cứ để buộc ông Trương Dù N1 có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị N 29 chỉ vàng 24k (giá vàng tại thời điểm xét xử là 12.524.000 đồng/chỉ x 29 chỉ = 363.196.000 đồng). Tại phiên toà các bên đã thống nhất về giá vàng là phù hợp với quy định tại Điều 166 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn là người cao tuổi thuộc trường được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị N.

Buộc ông Trương Dù N1 có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị N 29 chỉ vàng 24k (giá vàng tại thời điểm xét xử là 12.524.000 đồng/chỉ x 29 chỉ = 363.196.000 đồng). Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra xem xét.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bà Trương Thị N có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên thì hàng tháng ông Trương Dù N1 phải có

nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị N theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Trương Dù N1 phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 18.159.800 đồng.

- Nguyên đơn Trương Thị N là người cao tuổi thuộc trường được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 8 - Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 8 - Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình